TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27/3/2023
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nông Thúy Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Tuấn Phương.

bà Phạm Thị Thu Hường.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Trung Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị S, sinh năm 1982.

Nơi ĐKHKTT: khu Đ, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chỗ ở: xóm A T, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

- Bị đơn: anh Ngô Xuân T, sinh năm 1979.

Nơi ĐKHKTT: khu Đ, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2022 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Bùi Thị S trình bày: chị và anh Ngô Xuân T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 và đăng ký kết hôn ngày 29/11/2018 tại Uỷ ban nhân dân xã Q (nay là thị trấn Q), huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi

vã. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Những mâu thuẫn trên đã thật sự sâu sắc, cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Xuân T. Về con chung: quá trình chung sống chị và anh Ngô Xuân T có 02 con chung là cháu Ngô Minh H, sinh ngày 21/10/2005 và cháu Ngô Xuân T1, sinh ngày 25/02/2019. Nay ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho chị nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 03/2023 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị và anh Ngô Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: chị và anh Ngô Xuân T không có tài sản chung, không có nợ chung. Về án phí Tòa án: chị Bùi Thị S tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Ngô Xuân T trình bày: Về tình cảm: anh xác nhận thời gian chung sống, hoàn cảnh và địa điểm kết hôn như chị Bùi Thị S trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh và chị S chung sống hòa thuận đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị S chơi cờ bạc, lô đề. Khoảng tháng 01/2022 thì chị S đưa hai con trốn về Hưng Yên mà không thông báo cho anh và gia đình bên nội. Anh đã cố gắng liên lạc nhưng không được. Từ đó đến nay chị S không quay về chung sống anh nữa. Nay chị Bùi Thị S khởi kiện xin ly hôn thì anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị S. Về con chung, quá trình chung sống anh và chị Bùi Thị S có 02 con chung là cháu Ngô Minh H, sinh ngày 21/10/2005 và cháu Ngô Xuân T1, sinh ngày 25/02/2019. Hiện nay 02 cháu đang ở cùng chị S tại Hưng Yên. Nay ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Ngô Minh H cho anh nuôi dưỡng, giao cháu Ngô Xuân T1 cho chị S nuôi dưỡng. Anh và chị S không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: anh và chị Bùi Thị S không có tài sản chung, không có nợ chung. Về án phí: chị Bùi Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/12/2022, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Ngô Minh H. Kết quả được biết, anh T và chị S đã phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nếu anh T và chị S ly hôn, cháu muốn được ở với bố là anh Ngô Xuân T.

Ngày 05/01/2023, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh Ngô Xuân T và chị Bùi Thị S. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương cho biết: chị Bùi Thị S và anh Ngô Xuân T đăng ký kết hôn ngày 29/11/2018 tại UBND xã Q (nay là thị trấn Q), huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Sau

khi kết hôn, anh T và chị S chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã nên đã ly thân từ tháng 01/2022 đến nay. Những mâu thuẫn giữa chị S và anh T đã thật sự sâu sắc, cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: anh T và chị S có 02 con chung là cháu Ngô Minh H, sinh ngày 21/10/2005 và cháu Ngô Xuân T1, sinh ngày 25/02/2019. Hiện nay cả 02 cháu đang sinh sống cùng chị Bùi Thị S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị S. Về tình cảm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị S đối với anh Ngô Xuân T. Về con chung: đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, giáo dục; giáo cháu T1 cho chị S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị S và anh Ngô Xuân T không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung. Về tài sản chung và nợ chung: anh Ngô Xuân T và chị Bùi Thị S đều khẳng định không có không có tài sản chung và nợ chung. Nguyên đơn, chị Bùi Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: đây là tranh chấp hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Ngô Xuân T đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu Đ, thị trấn Q, huyện H, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

Chị Bùi Thị S có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Ngô Xuân T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa …cho các đương sự. Đồng thời đã tiến hành hòa giải để các đương

sự có thể đoàn tụ với nhau nhưng bị đơn là anh Ngô Xuân T vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ nhất, chị Bùi Thị S có đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt. Việc Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt chị S là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, nội dung bản tự khai của chị Bùi Thị S và anh Ngô Xuân T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: chị S và anh T đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 và đăng ký kết hôn ngày 29/11/2018 tại Uỷ ban nhân dân xã Q (nay là thị trấn Q), huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh T phát sinh do bất đồng quan điểm sống. Vợ, chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay, mỗi người sống một nơi. Cả hai vợ chồng không có biện pháp khắc phục, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài. Từ tháng 01 năm 2022 đến nay, cuộc sống vợ chồng của anh, chị thực tế không diễn ra, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ nhất và tại phiên tòa đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị S về vấn đề tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị S; chị Bùi Thị S giữa nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải lần hai cho thấy chị S, anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị S đối với anh Ngô Xuân T là phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của anh, chị; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: chị Bùi Thị S và anh Ngô Xuân T có 02 con chung là cháu Ngô Minh H, sinh ngày 21/10/2005 và cháu Ngô Xuân T1, sinh ngày 25/02/2019. Quá trình giải quyết vụ án, chị S đề nghị Tòa án giao cháu T1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng; chị và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị S về vấn đề con chung, đề nghị Tòa án giao cháu Ngô Minh H cho anh nuôi dưỡng, giao cháu Ngô Xuân T1 cho chị S nuôi dưỡng. Anh và chị S không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh T, chị S thấy rằng hiện nay cả hai cháu đang ở với chị S, do

chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi chị S và anh T ly thân. Căn cứ vào quan điểm, nguyện vọng của anh Ngô Xuân T và chị Bùi Thị S, nguyện vọng của cháu H muốn được ở với bố là anh Ngô Xuân T. Hội đồng xét xử thấy rằng: đối với cháu Ngô Xuân T1 hiện nay còn nhỏ (04 tuổi) đang sinh sống cùng mẹ, vì vậy, để đảm bảo không xáo trộn cuộc sống cũng như tâm lý của trẻ em, cần giao cháu T1 cho chị Bùi Thị S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Ngô Minh H cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu trưởng thành.

Do đó, căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị S về vấn đề con chung, giao cháu Ngô Xuân T1 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ngô Minh H cho anh T nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành. Chị S và anh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử thấy rằng cả chị Bùi Thị S và anh Ngô Xuân T đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Bùi Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị S được ly hôn với anh Ngô Xuân T.

2. Về con chung: giao cháu Ngô Xuân T1, sinh ngày 25/02/2019 cho chị Bùi Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 03/2023 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cháu Ngô Minh H, sinh ngày 21/10/2005 cho anh Ngô Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 3/2023 đến

khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Bùi Thị S và anh Ngô Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép cản trở.

3 Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Bùi Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0013609 ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Chị Bùi Thị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: anh Ngô Xuân T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện H;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND TT Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu VP; hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nông Thúy Chính